Ký bởi: TRUNG TÂM THÔNG TIN ĐIỆN TỬ THÀNH PHỐ
Email: ttttdttp@tphcm.gov.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 33/2025/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về Quản lý, điều hành giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 78/2025NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 87/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý giá;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền giữa chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Căn cứ Thông tư số 44/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Căn cứ Thông tư số 57/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 11638/TTr-STC ngày 04 tháng 11 năm 2025, số 16720/TTr-STC ngày 19 tháng 12 năm 2025; ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo kết quả thẩm định số 5714/BC-STP ngày 27 tháng 10 năm 2025;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định về Quy định Quản lý, điều hành giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành Quy định

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về Quản lý, điều hành giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 01 năm 2026.

2. Quyết định số 3276/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phân công cho các Sở, địa phương thực hiện nhiệm vụ Thẩm định phương án giá và tiếp nhận kê khai giá trên địa bàn tỉnh Bình Dương, Quyết định số 48A/2024/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về phân công nhiệm vụ quản lý giá trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Quyết định số

42/2025/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về Quản lý, điều hành về giá tại Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực thi hành từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến lĩnh vực giá trên địa bàn Thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Công Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về Quản lý, điều hành giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về hoạt động quản lý, điều hành giá trên địa bàn Thành phố liên quan đến nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá (bao gồm các hoạt động điều tiết giá của Nhà nước; tổng hợp, phân tích, dự báo giá cả thị trường; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá; cơ sở dữ liệu về giá) và thẩm định giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố theo nhiệm vụ được quy định tại Luật Giá số 16/2023/QH15 và các văn bản hướng dẫn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước được phân công, phân cấp thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; người tiêu dùng; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động quản lý, điều tiết giá của Nhà nước và thẩm định giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương II
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ, ĐIỀU TIẾT GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Mục 1
BÌNH ỔN GIÁ

Điều 3. Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá

Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá: tên hàng hóa, dịch vụ; cơ quan quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ; cơ quan tổ chức triển khai thực hiện và cơ quan tham mưu thực hiện theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ theo phân công tại Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá quy định tại Phụ lục I Quyết định này đề xuất điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, gồm:

a) Đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá trên cơ sở tiêu chí về hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Giá số 16/2023/QH15 và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

b) Thực hiện các nội dung theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP; tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố văn bản lấy ý kiến của Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ đó;

c) Chuẩn bị hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá gửi Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Sở Tài chính

Tổng hợp đề xuất của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa dịch vụ, trình Ủy ban nhân dân Thành phố gửi Bộ Tài chính.

Điều 5. Tổ chức thực hiện bình ổn giá theo khoản 1 Điều 20 Luật Giá số 16/2023/QH15

1. Căn cứ chủ trương bình ổn giá của Chính phủ và nội dung triển khai, hướng dẫn của Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ; Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ thực hiện một hoặc một số phương thức quy định tại khoản 2 Điều này để xác định nguyên nhân biến động giá; báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ đó để làm cơ sở cho Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực lựa chọn biện pháp, thời hạn và phạm vi bình ổn giá phù hợp.

2. Phương thức xác định nguyên nhân biến động giá

a) Kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện theo quy định tại Điều 31, Điều 32, Điều 33 của Luật Giá số 16/2023/QH15 hoặc yêu cầu doanh nghiệp báo cáo một số yếu tố hình thành giá;

b) Kiểm soát hàng hóa tồn kho của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ;

c) Đánh giá cung, cầu hàng hóa, dịch vụ: đánh giá thực trạng cung cầu thị trường của hàng hóa, dịch vụ và phân tích nguyên nhân gây mất cân đối cung cầu hàng hóa, dịch vụ.

3. Sau khi Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp bình ổn giá theo quy định tại Điều 19 Luật Giá số 16/2023/QH15 và thời hạn, phạm vi áp dụng bình ổn giá; trên cơ sở phân công của Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực; các sở, ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Sở Tài chính

Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện các nội dung phân công của Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực về thực hiện bình ổn giá trên địa bàn Thành phố cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định.

b) Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ

Tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố. Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả thực hiện bình ổn giá trên địa bàn cho Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, đồng gửi Bộ Tài chính, Sở Tài chính tổng hợp vào báo cáo thị trường định kỳ theo quy định.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã

Tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố và gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ đó để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 6. Tổ chức thực hiện bình ổn giá theo điểm a khoản 2 Điều 20 Luật Giá số 16/2023/QH15

1. Sở Tài chính

Trình Ủy ban nhân dân Thành phố phân công tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá do Chính phủ quyết định cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ

Tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố. Tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo kết quả triển khai thực hiện, để Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Chính phủ theo phân công; đồng thời gửi Sở Tài chính tổng hợp vào báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường định kỳ.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

Tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố và gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ đó để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 7. Tổ chức thực hiện bình ổn giá theo điểm b khoản 2 Điều 20 của Luật Giá số 16/2023/QH15

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ

Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Giá số 16/2023/QH15 và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố và tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Chính phủ kết quả thực hiện bình ổn giá, đồng gửi Bộ Tài chính, Sở Tài chính tổng hợp vào báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

2. Sở Tài chính

a) Tổng hợp đề xuất của Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp bình ổn giá, thời hạn bình ổn giá và phân công tổ chức triển khai thực hiện cho Sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Tổng hợp kết quả thực hiện bình ổn giá trên cơ sở báo cáo của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ vào báo cáo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường định kỳ.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

Tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố và gửi báo cáo kết quả thực hiện về Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ đó để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Mục 2
ĐỊNH GIÁ

Điều 8. Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá

Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá: tên hàng hóa, dịch vụ; cơ quan quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ; thẩm quyền và hình thức định giá; cơ quan thẩm định, trình phương án giá và cơ quan tham mưu đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ định giá thực hiện theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 9. Điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ theo phân công tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này đề xuất điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá: nêu rõ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Giá số 16/2023/QH15, khoản 2 Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và chuẩn bị hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá gửi Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố có văn bản đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét trên cơ sở đề xuất của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa dịch vụ.

Điều 10. Tổ chức thực hiện định giá

1. Cơ quan tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá:

a) Phân cấp cho Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ: tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân Thành phố lập phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá khác ngoài các hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 9 và hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá khác ngoài các hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP;

b) Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã: tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý kinh doanh hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố lập phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá khác ngoài các hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP;

c) Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Sở quản lý ngành, lĩnh vực có nhiệm vụ:

a) Thực hiện thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá, điều chỉnh giá của Ủy ban nhân dân Thành phố theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 10, Điều 12 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP. Biểu mẫu báo cáo thẩm định thực hiện theo Phụ lục III kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP;

b) Trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản định giá, điều chỉnh giá:

Đối với hàng hóa, dịch vụ là giá nước sạch; dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập và dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ định giá tại Phụ lục II Quyết định này: việc trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản định giá, điều chỉnh giá theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Đối với hàng hóa, dịch vụ còn lại thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ định giá tại Phụ lục II Quyết định này: việc trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản định giá, điều chỉnh giá theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản định giá, điều chỉnh giá theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ) trên cơ sở tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân Thành phố theo Phụ lục II đính kèm Quyết định này (ngoại trừ sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng, hàng dự trữ quốc gia và các hàng hóa, dịch vụ đã có quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật tại pháp luật có liên quan).

3. Ủy ban nhân dân cấp xã:

Định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Mục 3
HIỆP THƯƠNG GIÁ

Điều 11. Thẩm quyền và trách nhiệm hiệp thương giá

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 25 và điểm b khoản 2 Điều 26 Luật Giá số 16/2023/QH15.

2. Trình tự, thủ tục tổ chức hiệp thương giá thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Giá số 16/2023/QH15 và Điều 13 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Mục 4
KÊ KHAI GIÁ

Điều 12. Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn Thành phố: tên hàng hóa, dịch vụ; cơ quan quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật; cơ quan tham mưu đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ kê khai giá đặc thù và cơ quan tiếp nhận kê khai giá được quy định tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

Điều 13. Điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ theo phân công đề xuất điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá tại Mục III (hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành) của Phụ lục III kèm theo Quyết định này: nêu rõ các nội dung theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và chuẩn bị hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố. Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

2. Sở Tài chính tổng hợp đề xuất của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ, trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo gửi Bộ Tài chính để trình Chính phủ xem xét.

Điều 14. Tổ chức thực hiện kê khai giá

1. Ban hành Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

a) Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, lựa chọn tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn Thành phố mà không có tên trong Danh sách kê khai giá của Bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành, để đưa vào Danh sách kê khai giá trên địa bàn Thành phố theo Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại Phụ lục III Quyết định này; có văn bản gửi Sở Tài chính tổng hợp trước ngày 15 tháng 01 hàng năm trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Danh sách kê khai giá định kỳ.

Trường hợp trong năm phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Danh sách kê khai giá, có văn bản gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Danh sách kê khai giá bổ sung.

b) Sở Tài chính

Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Danh sách kê khai giá định kỳ trên địa bàn Thành phố trước ngày 15 tháng 02 hàng năm trên cơ sở đề xuất của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ.

Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Danh sách kê khai giá bổ sung trong trường hợp trong năm phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Danh sách kê khai giá trên cơ sở đề xuất của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ.

2. Quyền và trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận kê khai giá

a) Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ

Tiếp nhận văn bản kê khai giá của tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này bằng hình thức quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Thực hiện kết nối, cập nhật thông tin, dữ liệu về giá hàng hóa, dịch vụ kê khai đã tiếp nhận theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP lên cơ sở dữ liệu quốc gia về giá. Chậm nhất đến ngày 01 tháng 7 năm 2027, đảm bảo toàn bộ Dữ liệu kê khai phải kết nối, cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ) trên cơ sở tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Phần B Phụ lục III đính kèm Quyết định này.

Tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về kê khai giá theo thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã

Phân cấp Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Danh sách tổ chức kinh doanh thực hiện kê khai giá tại địa bàn quản lý trên cơ sở rà soát, lựa chọn tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn quản lý mà không có tên trong Danh sách tổ chức kinh doanh thực hiện kê khai giá do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

Tiếp nhận văn bản kê khai giá của tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo Danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này trên địa bàn quản lý bằng hình thức phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Thực hiện kết nối, cập nhật thông tin, dữ liệu về giá hàng hóa, dịch vụ kê khai đã tiếp nhận theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá. Chậm nhất đến ngày 01 tháng 7 năm 2027, đảm bảo toàn bộ Dữ liệu kê khai phải kết nối, cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

Tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về kê khai giá theo thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá.

Mục 5
KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 15. Cơ quan có thẩm quyền, trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá

Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Giá số 16/2023/QH15.

Điều 16. Tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Giá số 16/2023/QH15.

2. Báo cáo kết quả kiểm tra (bao gồm các nội dung mục đích, yêu cầu, đối tượng kiểm tra, kết quả kiểm tra và nguyên nhân) gửi đến tổ chức, cá nhân bị kiểm tra và Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Các biện pháp xử lý vi phạm: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Giá số 16/2023/QH15.

Chương III
KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ

Điều 17. Thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch kiểm tra

1. Phân cấp cho các Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ; Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá

- Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ: các nội dung phân công tại Chương II Quy định này và theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Ủy ban nhân dân cấp xã: các nội dung phân công tại khoản 3 Điều 10, điểm b khoản 2 Điều 14 Quy định này và kiểm tra việc niêm yết giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn quản lý.

b) Quyết định ban hành kế hoạch kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 28/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

c) Ban hành Quyết định kiểm tra đối với từng đối tượng kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 28/2024/TT-BTC;

d) Xử lý kiến nghị kiểm tra, trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Phân cấp cho Sở Tài chính:

a) Phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá đối với hàng hóa tham gia Chương trình Bình ổn thị trường trên địa bàn Thành phố; kiểm tra các sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá được Ủy ban nhân dân Thành phố phân công, phân cấp tại Quy định này và theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố; Quyết định ban hành kế hoạch kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 28/2024/TT-BTC;

b) Ban hành Quyết định kiểm tra đối với từng đối tượng kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 28/2024/TT-BTC;

c) Xử lý kiến nghị kiểm tra, trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Kế hoạch kiểm tra đảm bảo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Giá số 16/2023/QH15.

4. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực giá, thẩm định giá theo các nội dung được phân công;

b) Báo cáo công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá về Sở Tài chính tổng hợp định kỳ trước ngày 01 hàng tháng.

5. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực giá, thẩm định giá theo các nội dung được phân công;

b) Tổng hợp báo cáo công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã vào báo cáo giá thị trường định kỳ.

Điều 18. Xử lý vi phạm hành chính trong quản lý giá

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về giá tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 87/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý giá và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương IV
THẨM ĐỊNH GIÁ NHÀ NƯỚC

Điều 19. Thẩm định giá của Nhà nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 59 đến Điều 66 và khoản 2 Điều 74 Luật Giá số 16/2023/QH15.

Chương V
CẬP NHẬT THÔNG TIN, DỮ LIỆU LÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ GIÁ

Điều 20. Cập nhật thông tin, dữ liệu lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá

Các sở, ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

1. Sở Tài chính

a) Báo cáo giá thị trường trên địa bàn Thành phố theo quy định của Bộ Tài chính;

b) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn Thành phố (danh sách kê khai giá định kỳ và danh sách kê khai giá bổ sung);

c) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá theo quy định tại Luật Giá số 16/2023/QH15 được thành lập tại Sở Tài chính;

d) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ

a) Giá hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân Thành phố định giá;

b) Giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại các Sở quản lý ngành, lĩnh vực;

c) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá theo quy định tại Luật Giá số 16/2023/QH15được thành lập tại các sở, ngành;

d) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn quản lý (danh sách kê khai giá định kỳ và danh sách kê khai giá bổ sung);

b) Giá hàng hóa, dịch vụ được thực hiện kê khai giá trên địa bàn quản lý;

c) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá theo quy định tại Luật Giá số 16/2023/QH15 được thành lập tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản triển khai nhiệm vụ của các sở, ban, ngành Thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và Thông tư số 44/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

b) Thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường trên địa bàn Thành phố, báo cáo đột xuất theo chỉ đạo của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ và Ủy ban nhân dân cấp xã

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, có văn bản báo cáo, đề xuất gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

3. Thủ trưởng sở, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trong việc đảm bảo các điều kiện, bố trí nguồn nhân lực để thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong Quy định này./.

Phụ lục I

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ BÌNH ỔN GIÁ

(Kèm theo Quyết định số 33/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tổ chức triển khai thực hiện	Cơ quan tham mưu
1	Xăng, dầu thành phẩm	Bộ Công thương	Ủy ban nhân dân Thành phố	Sở Công thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Bộ Công thương	Ủy ban nhân dân Thành phố	Sở Công thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Bộ Y tế	Ủy ban nhân dân Thành phố	Sở An toàn Thực phẩm Thành phố
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân Thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân Thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân Thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân Thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân Thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Ủy ban nhân dân Thành phố	Sở Y tế

Phụ lục II

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ DO NHÀ NƯỚC ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo Quyết định số 33/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Thẩm quyền, hình thức định giá	Cơ quan thẩm định, tham mưu
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Ủy ban nhân dân Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố định giá tối đa	Sở Xây dựng
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Ủy ban nhân dân Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố định khung giá	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Ủy ban nhân dân Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố định giá tối đa	Sở Xây dựng
4	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Ủy ban nhân dân Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố định giá tối đa	- Sở Xây dựng đối với cảng, bến thủy nội địa; - Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với cảng cá

5	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương			
5.1	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương		Ủy ban nhân dân Thành phố định giá cụ thể	Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định đối với công trình thủy lợi đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp quản lý
5.2	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương		Ủy ban nhân dân cấp xã định giá cụ thể	Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định đối với công trình thủy lợi đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp quản lý
6	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương			
6.1	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Ủy ban nhân dân Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố định giá cụ thể	Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định đối với công trình thủy lợi đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp quản lý

6.2	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Ủy ban nhân dân Thành phố	Ủy ban nhân dân cấp xã định giá cụ thể	Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu đặc điểm kinh tế - kỹ thuật; Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định đối với công trình thủy lợi đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp quản lý
7	Nước sạch (Nước sạch khu vực cấp nước đô thị và khu công nghiệp; Nước sạch khu vực cấp nước nông thôn)	Ủy ban nhân dân Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố định giá cụ thể	Sở Xây dựng
8	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương		Ủy ban nhân dân Thành phố định giá cụ thể	Sở quản lý chuyên ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ
9	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Ủy ban nhân dân Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố định giá cụ thể	Sở Y tế
10	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Ủy ban nhân dân Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố định giá cụ thể	Sở Y tế
11	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Ủy ban nhân dân Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố theo lĩnh vực định giá khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ	Sở quản lý chuyên ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ

12	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Ủy ban nhân dân Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố định khung giá	Sở Nông nghiệp và Môi trường
13	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Ủy ban nhân dân Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố định giá cụ thể	Sở Nông nghiệp và Môi trường
14	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố định giá cụ thể	Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường *(theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với từng công việc cụ thể của dịch vụ)*
15	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Ủy ban nhân dân Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố định giá tối đa	Sở Xây dựng
16	Dịch vụ vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt đô thị	Ủy ban nhân dân Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố định giá cụ thể	Sở Xây dựng
17	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt			
17.1	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Ủy ban nhân dân Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố định giá tối đa	Sở Nông nghiệp và Môi trường

17.2	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân	Ủy ban nhân dân Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố định giá cụ thể	Sở Nông nghiệp và Môi trường
18	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Ủy ban nhân dân Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố định giá cụ thể	Sở Xây dựng
19	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố định giá cụ thể	Sở Xây dựng
20	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố định giá cụ thể	Sở Xây dựng
21	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Ủy ban nhân dân Thành phố	Ủy ban nhân dân Thành phố định giá tối đa	Sở Tư pháp
22	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Ủy ban nhân dân Thành phố	Ủy ban nhân dân cấp xã định giá cụ thể	Sở Công thương tham mưu ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật; Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định

Phụ lục III

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ

(Kèm theo Quyết định số 33/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận
A	**Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước**		
I	***Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá***		
1	Xăng, dầu thành phẩm	Bộ Công thương	Sở Công thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Bộ Công thương	Sở Công thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Bộ Y tế	- Sở An toàn Thực phẩm Thành phố; - Ủy ban nhân dân cấp xã
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Ủy ban nhân dân cấp xã
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Ủy ban nhân dân cấp xã
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Ủy ban nhân dân cấp xã
7	Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Ủy ban nhân dân cấp xã

8	Thuốc bảo vệ thực vật	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Sở Nông nghiệp và Môi trường; - Ủy ban nhân dân cấp xã
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Bộ Y tế	Sở Y tế
II	**Hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng**		Cơ quan được phân công chủ trì thực hiện thẩm định phương án giá thì thực hiện tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ
III	***Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành***		
1	Xi măng	Bộ Xây dựng	- Sở Xây dựng - Ủy ban nhân dân cấp xã
2	Nhà ở, nhà chung cư	Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)	Bộ Xây dựng	- Sở Xây dựng - Ủy ban nhân dân cấp xã
4	Thép xây dựng	Bộ Công thương	- Sở Công thương - Ủy ban nhân dân cấp xã
5	Than	Bộ Công thương	- Sở Công thương - Ủy ban nhân dân cấp xã
6	Etanol nhiên liệu không biến tính	Bộ Công thương	- Sở Công thương - Ủy ban nhân dân cấp xã
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)	Bộ Công thương	- Sở Công thương - Ủy ban nhân dân cấp xã

8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - Ủy ban nhân dân cấp xã
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - Ủy ban nhân dân cấp xã
10	Muối ăn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	- Sở Nông nghiệp và Môi trường - Ủy ban nhân dân cấp xã
11	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Bộ Xây dựng	Sở Xây dựng
12	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Bộ Y tế	- Sở An toàn Thực phẩm Thành phố - Ủy ban nhân dân cấp xã
13	Thiết bị y tế	Bộ Y tế	Sở Y tế
14	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Bộ Y tế	- Sở Y tế - Ủy ban nhân dân cấp xã
15	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Bộ Y tế	- Sở Y tế - Ủy ban nhân dân cấp xã
B	**Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá**		
STT	**Tên hàng hóa, dịch vụ**	**Cơ quan quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ**	**Cơ quan tham mưu (*), tiếp nhận**
1	Dịch vụ lưu trú	Ủy ban nhân dân Thành phố	- Sở Du lịch; - Ủy ban nhân dân cấp xã

2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân Thành phố	- Sở Xây dựng; - Ủy ban nhân dân cấp xã
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Ủy ban nhân dân Thành phố	- Sở Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Ủy ban nhân dân Thành phố	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa-đường biển	Ủy ban nhân dân Thành phố	- Sở Xây dựng; - Ủy ban nhân dân cấp xã
6	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Ủy ban nhân dân Thành phố	- Sở Xây dựng; - Ủy ban nhân dân cấp xã
7	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Ủy ban nhân dân Thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	Ủy ban nhân dân Thành phố	Sở Công thương
9	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng	Ủy ban nhân dân Thành phố	Sở Du lịch

(*) Cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá